

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

MST: 0105087537

*Địa chỉ: BT3.1 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, 272 Hữu Hưng,
P Tây Mỗ, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội*



CREATE CAPITAL VIET NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ IV NĂM 2024**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		258,072,249,895	241,170,616,014
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,095,784,670	59,143,467,602
1. Tiền	111		16,175,784,670	23,323,467,602
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,920,000,000	35,820,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,420,000,000	48,420,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3,420,000,000	48,420,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163,801,155,759	87,654,758,356
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	87,605,980,208	8,225,018,642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	48,694,953,352	66,276,379,077
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.11.1	27,583,222,354	13,236,360,792
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(83,000,155)	(83,000,155)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	63,636,350,166	42,121,233,758
1. Hàng tồn kho	141		63,636,350,166	42,121,233,758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,118,959,300	3,831,156,298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	5,660,136	4,850,726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,113,299,164	3,826,305,572
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		594,943,461,748	273,038,717,017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.11.2	-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18,971,451,106	22,470,985,360
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18,971,451,106	22,470,985,360
- Nguyên giá	222		28,857,560,821	29,532,040,821
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9,886,109,715)	(7,061,055,461)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49,881,208,038	44,005,649,383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49,881,208,038	44,005,649,383
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	526,050,000,000	206,450,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		505,950,000,000	205,950,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19,600,000,000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	500,000,000	500,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40,802,604	112,082,274
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	40,802,604	112,082,274
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		853,015,711,643	514,209,333,031

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		152,781,281,683	140,569,609,732
I. Nợ ngắn hạn	310		151,847,634,831	139,210,201,972
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10,808,457,036	2,504,092,232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2,000,000,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	1,310,336,896	1,301,152,382
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	79,225,463	168,488,096
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	473,450,500	473,450,500
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	137,176,164,936	134,763,018,762
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		933,646,852	1,359,407,760
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	933,646,852	1,359,407,760
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		700,234,429,960	373,639,723,299
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	700,234,429,960	373,639,723,299
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		600,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		600,000,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406,459,596)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,645,604,925	10,645,604,925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89,995,284,631	62,994,118,374
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62,916,118,374	42,392,298,050
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27,079,166,257	20,601,820,324
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		853,015,711,643	514,209,333,031

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Tổng Giám Đốc




DUYANG THỊ HUỖN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV/2024	Quý IV/2023	Lũy kế Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Lũy kế Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	63,599,487,350	89,942,372,829	298,645,704,061	300,283,749,821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	63,599,487,350	89,942,372,829	298,645,704,061	300,283,749,821
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	60,579,812,062	86,658,019,455	285,597,011,286	288,444,625,200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,019,675,288	3,284,353,374	13,048,692,775	11,839,124,621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	7,346,662,184	4,644,417,015	24,219,115,371	17,332,788,740
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	1,060,581,214	1,305,656,622	3,393,726,420	3,506,173,676
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,029,884,622	1,305,656,622	3,362,719,197	3,506,173,676
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	2,500,000	176,446,286	1,586,258,008	435,153,672
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	1,120,149,605	1,048,392,020	4,351,637,913	3,735,607,786
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,183,106,653	5,398,275,461	27,936,185,805	21,494,978,227
11. Thu nhập khác	31	VI.26	15,536,760	179,010,715	15,536,760	183,011,915
12. Chi phí khác	32	VI.26	-	172,990,557	1,211,795	185,930,310
13. Lợi nhuận khác	40		15,536,760	6,020,158	14,324,965	(2,918,395)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,198,643,413	5,404,295,619	27,950,510,770	21,492,059,832
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	215,928,683	257,059,123	871,344,513	1,003,211,966
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,982,714,730	5,147,236,496	27,079,166,257	20,488,847,866
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		159.65	171.57	541.58	682.96
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA



Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: BT.3.1 KCN ĐT Tây Mỗ, 272 Hữu Hưng, P Tây Mỗ, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27,950,510,770	21,492,059,832
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	2,825,054,254	3,117,102,785
- Các khoản dự phòng	03	-	(738,543,797)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31,007,223	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24,219,115,371)	(17,183,793,138)
- Chi phí lãi vay	06	3,362,719,197	3,506,173,676
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	9,950,176,073	10,192,999,358
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(96,212,891,177)	79,997,858,356
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21,515,116,408)	6,572,867,819
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10,224,286,685	17,902,303,809
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	70,470,260	48,525,796
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,283,493,734)	(3,385,685,580)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(695,594,775)	(899,585,897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(101,462,163,076)	110,429,283,661
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5,201,078,655)	(19,367,575,750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14,460,000,000)	(84,240,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	78,360,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(319,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24,734,633,129	24,798,421,933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(236,166,445,526)	(78,809,153,817)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	299,593,540,404	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	298,532,802,544	384,475,432,123
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(296,545,417,278)	(379,316,469,648)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	301,580,925,670	5,158,962,475
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(36,047,682,932)	36,779,092,319
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59,143,467,602	22,364,375,283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23,095,784,670	59,143,467,602

Người lập



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



ĐƯƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 11 ngày 30/12/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 600.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty là sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: BT3.1 Khu đô thị chức năng Tây Mỗ, 272 Hữu Hưng, P Tây Mỗ, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 30 người (tại ngày 31/12/2023 là 20 người).

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có 15 công ty con (02 Công ty con trực tiếp và 13 công ty con gián tiếp), cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
2	Công ty Cổ phần CRC Solar Cell	Hòa Bình	Sản xuất	85,71%	85,71%
Công ty con (Công ty con gián tiếp)					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng Lượng Xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước. Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con: là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh: là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết: là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 06 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 04 năm |

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

b) Các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá:

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

4.17 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn; Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước); lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.18 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý IV kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	608,245,000	10,716,683,712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,567,539,670	12,606,783,890
Các khoản tương đương tiền	6,920,000,000	35,820,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	6,920,000,000	35,820,000,000
Tổng	23,095,784,670	59,143,467,602

(i) Số dư tiền tương đương tiền bao gồm:

	31/12/2024	01/01/2024
+ Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam- CN Hồng Hà	-	27,400,000,000
+ Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	3,420,000,000	3,420,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	5,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch I	3,500,000,000	-
	6,920,000,000	35,820,000,000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	3,420,000,000	3,420,000,000	48,420,000,000	48,420,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	3,420,000,000	3,420,000,000	48,420,000,000	48,420,000,000
Dài hạn	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
- Trái phiếu	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam (i)	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
Tổng	3,920,000,000	3,920,000,000	48,920,000,000	48,920,000,000

(i): Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Hồng Hà (Chi tiết tại thuyết minh số 5.15).

Địa chỉ: BT3.1 KCN ĐT Tây Mỗ, 272 Hữu Hưng, P Tây Mỗ, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			505,950,000,000	-	205,950,000,000	-
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	99.98%	99.98%	205,950,000,000	-	205,950,000,000	-
Công ty cổ phần CRC Solar Cell (ii)	85.71%	85.71%	300,000,000,000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			19,600,000,000	-	-	-
Công ty cổ phần Năng Lượng CRC Solar (i)	2.72%	2.72%	19,600,000,000	-	-	-
Tổng			525,550,000,000	-	205,950,000,000	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Kỳ này

+ Công ty cổ phần Công nghệ CRC

+ Công ty cổ phần CRC Solar Cell

Trong kỳ quý IV.2024 đơn vị có lãi

Trong kỳ quý IV.2024 đơn vị có lãi

(*) : Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) : Trong kỳ, Công ty góp vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Năng Lượng CRC Solar theo Nghị quyết số 101/2024/CRC/NQ-HDQT ngày 10/01/2024 của Hội đồng quản trị.

(ii) : Trong kỳ, Công ty tăng vốn vào Công ty cổ phần CRC Solar Cell theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0904/2022/CRC/NQ-DHCD ngày 09/04/2022. Từ ngày 02/05/2024 Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam chính thức nắm giữ 30,000,000 cổ phần tương ứng 85,71% vốn điều lệ. Công ty cổ phần CRC Solar Cell trở thành công ty con.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	5,875,786,000	-
Công ty cổ phần Công Nghệ EMP	57,151,062,398	2,286,282,005
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	1,168,913,030
UAB BALTIC GATE TERMINAL	-	2,661,482,688
Công ty cổ phần Đại Thanh Hải	5,797,750,000	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Tâm Phúc	9,180,175,000	-
TRITON TRADE LIMITED	7,996,798,004	-
Các đối tượng khác	1,604,408,806	2,108,340,919
Tổng	87,605,980,208	8,225,018,642
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan	1,256,340,180	-
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1		

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	-	3,655,057,966
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	24,247,919,794	43,654,262,550
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	-	407,245,121
Infinity Solar Technology PTE.LTD	708,194,250	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	16,667,296,809	16,550,831,190
Công ty TNHH TMQT Thiên Hà	2,000,000,000	-
Công ty cổ phần Hồng Nam	1,412,000,000	-
Các đối tượng khác	3,659,542,499	2,008,982,250
Tổng	48,694,953,352	66,276,379,077
Trong đó:	31/12/2024	01/01/2024
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.5 Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	5,660,136	4,850,726
- Chi phí bảo hiểm	3,730,300	4,850,726
- Công cụ dụng cụ	1,929,836	-
Dài hạn	40,802,604	112,082,274
- Công cụ dụng cụ	40,802,604	108,225,191
- Chi phí trả trước khác	-	3,857,083
Tổng	46,462,740	116,933,000

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BELTAMOHILIYA LTD	118,571,650	35,571,495	118,571,650	35,571,495
Tổng	118,571,650	35,571,495	118,571,650	35,571,495

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm (i)	-	-	2,430,446,000	-
Hàng hoá (i)	63,636,350,166	-	39,690,787,758	-
Tổng	63,636,350,166	-	42,121,233,758	-

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	48,167,858,392	43,865,649,383
- Dự án khu đô thị CRC	140,000,000	140,000,000
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Đà Nẵng	1,573,349,646	-
Tổng	49,881,208,038	44,005,649,383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, trang thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2024	25,292,663,549	61,593,636	4,177,783,636	29,532,040,821
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(674,480,000)	(674,480,000)
Số dư tại 31/12/2024	25,292,663,549	61,593,636	3,503,303,636	28,857,560,821
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2024	5,272,958,594	25,167,297	1,762,929,570	7,061,055,461
Khấu hao trong kỳ	2,499,572,160	15,398,412	670,930,471	3,185,901,043
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(360,846,789)	(360,846,789)
Số dư tại 31/12/2024	7,772,530,754	40,565,709	2,073,013,252	9,886,109,715
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	20,019,704,955	36,426,339	2,414,854,066	22,470,985,360
Tại ngày 31/12/2024	17,520,132,795	21,027,927	1,430,290,384	18,971,451,106

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 1.459.654.024 đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.334.447.591 đồng).

5.10 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tạm ứng	11,366,965,672	6,142,315,672
- Ông Phạm Tiến Hiến(i)	11,366,965,672	1,142,315,672
- Ông Đặng Quốc Đăng (i)	-	5,000,000,000
Phải thu khác	16,216,256,682	7,094,045,120
- Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	33,625,973	57,124,411
- Cổ tức được phân phối	6,182,630,709	7,036,920,709
- Khác	10,000,000,000	
Tổng	27,583,222,354	13,236,360,792

Trong đó:

Phải thu khác là bên có liên quan 6,182,630,709 7,036,920,709

Chi tiết tại thuyết minh số 7.1

(i): Khoản tạm ứng tiền san lấp nhà máy pin mặt trời Yên Bái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	10,808,457,036	10,808,457,036	2,504,092,232	2,504,092,232
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1,481,214,056	1,481,214,056	1,481,214,056	1,481,214,056
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	8,038,738,234	8,038,738,234	-	-
Công ty TNHH DVTM Phan Anh	484,437,619	484,437,619	484,437,619	484,437,619
Wuxi Prima Technology Co.,Ltd	387,816,000	387,816,000	387,816,000	387,816,000
Các đối tượng khác	416,251,127	416,251,127	150,624,557	150,624,557
Tổng	10,808,457,036	10,808,457,036	2,504,092,232	2,504,092,232
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên có liên quan			-	-

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Chi nhánh Công ty TNHH Thiên Sương Đà Lạt tại Hà Nội	2,000,000,000	-
Tổng	2,000,000,000	-

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp			30/09/2024
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	809,582,290	809,582,290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,134,587,158	871,344,513	695,594,775
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	166,565,224	4,211,794	170,777,018
Tổng	1,301,152,382	1,685,138,597	1,675,954,083
			1,310,336,896

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	79,225,463	168,488,096
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	79,225,463	120,488,096
Chi phí khác		48,000,000
Tổng	79,225,463	168,488,096

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải trả, phải nộp khác	473,450,500	473,450,500
Có tức, lợi nhuận phải trả	395,450,500	395,450,500
Phải trả khác	78,000,000	78,000,000
Tổng	473,450,500	473,450,500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16 Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay

	31/12/2024 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	136,870,797,480	136,870,797,480	298,532,802,544	296,034,672,766	134,372,667,702	134,372,667,702
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	89,896,642,480	89,896,642,480	209,945,159,624	208,067,721,646	88,019,204,502	88,019,204,502
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	39,974,155,000	39,974,155,000	81,587,642,920	81,579,951,120	39,966,463,200	39,966,463,200
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 {3}	7,000,000,000	7,000,000,000	7,000,000,000	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Công	-	-	-	6,387,000,000	6,387,000,000	6,387,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	305,367,456	305,367,456	425,760,908	510,744,512	390,351,060	390,351,060
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	227,367,456	227,367,456	347,760,908	432,744,512	312,351,060	312,351,060
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {4}	78,000,000	78,000,000	78,000,000	78,000,000	78,000,000	78,000,000
Cộng vay ngắn hạn	137,176,164,936	137,176,164,936	298,958,563,452	296,545,417,278	134,763,018,762	134,763,018,762
Vay dài hạn	933,646,852	933,646,852	-	425,760,908	1,359,407,760	1,359,407,760
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	748,146,852	748,146,852	-	347,760,908	1,095,907,760	1,095,907,760
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {4}	185,500,000	185,500,000	-	78,000,000	263,500,000	263,500,000
Tổng	138,109,811,788	138,109,811,788	298,958,563,452	296,971,178,186	136,122,426,522	136,122,426,522

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình

Hợp đồng TDHM số 01/2024/8353501/HDTĐ ngày 03/06/2024; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo GCNQSD số CK557223 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

a. Vay (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Tiếp theo)

{2} Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 1260LAV-202400289 ngày 27/09/2024; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

{3} Ngân hàng TMCP Quân Đội- Chi nhánh Sở giao dịch 1

Hợp đồng tín dụng số 245062.24.002.2265211.TD ngày 30/09/2024; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi : 3.500.000.000 đồng.

{4} Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Khoản vay dài hạn: Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 11% cho năm đầu tiên; Tài sản thế chấp: Xe honda City RS BKS 30K-286.47, giá trị còn lại của xe tại ngày 31/12/2024 là 385.971.568 đồng.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Tiếp theo)

{5} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất thả nổi.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 là 149.150.338 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi.

Tài sản thế chấp : Xe ô tô Mitsubishi BKS: 29B-622.58, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 là: 326.965.989 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10,9%/năm.

Tài sản thế chấp : Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 là: 597.566.129 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	300,000,000,000	-	10,645,604,925	42,470,298,050	353,115,902,975
Tăng vốn (*)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	20,601,820,324	20,601,820,324
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(78,000,000)	(78,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2024	300,000,000,000	-	10,645,604,925	62,994,118,374	373,639,723,299
Tăng vốn (i)	300,000,000,000	(406,459,596)	-	-	299,593,540,404
Lãi trong kỳ này	-	-	-	27,079,166,257	27,079,166,257
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78,000,000)	(78,000,000)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	600,000,000,000	(406,459,596)	10,645,604,925	89,995,284,631	700,234,429,960

(i) Trong năm công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 090/4/2022/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2022; Nghị quyết số 090/7/2023/CRC/NQ-HĐQT ngày 09/07/2023 thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022, chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và phương án đàm phán chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Hội đồng quản trị Công ty; Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 1904/2024/CRC/NQ-HĐQT ngày 19/04/2024 thông qua việc phân phối lại cổ phiếu còn dư trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận số 13/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán nhà nước ngày 05/02/2024 về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Công văn số 2599/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/04/2024 về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CRC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
	<i>Tổng số</i>	
Ông Mai Anh Tâm	40,000,000,000	20,000,000,000
Ông Mai Anh Đức	28,089,500,000	14,044,800,000
Các cổ đông khác	531,910,500,000	265,955,200,000
Tổng cộng	600,000,000,000	300,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	300,000,000,000	300,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm (*)	300,000,000,000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	600,000,000,000	300,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*): Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ- ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022 và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1706/2023/CRC/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và thông qua phương án sử dụng vốn bằng việc mua cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell (nhận chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu).

- Công ty đã chào bán thành công 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nghị quyết số 2204/2024/CRC/NQQ- HĐQT ngày 22/04/2024 của hội đồng quản trị Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đã thông qua kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo báo cáo kết quả số 2204/2024/CRC-BC ngày 22/4/2024.

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của Công ty đã được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung ngày 29/5/2024.

Tình hình sử dụng vốn:

- Ngày 14/11/2023 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 1411/2023/CRC/NQ- HĐQT trong đó thông qua nội dung mục đích sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. Cụ thể: Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng : 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) để mua 30.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần CRC Solar Cell.

- Đến ngày 02/05/2024 việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần CRC Solar Cell đã hoàn tất. Số lượng cổ phần Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đang nắm giữ tại công ty Cổ phần CRC Solar Cell là 30.000.000 cổ phần (Ba mươi triệu cổ phần), tỷ lệ 85,71% vốn điều lệ. Từ ngày 02/05/2024, Công ty cổ phần CRC Solar Cell chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60,000,000	30,000,000
Cổ phiếu phổ thông	60,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60,000,000	30,000,000
Cổ phiếu phổ thông	60,000,000	30,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10,645,604,925	10,645,604,925

5.18 Các khoản mục ngoại bảng**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	8.954,65	126.155,58

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63,599,487,350	89,942,372,829
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	63,191,609,150	89,645,372,829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	407,878,200	297,000,000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng	63,599,487,350	89,942,372,829
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan	-	-
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	59,954,919,022	86,033,126,415
Giá vốn cung cấp dịch vụ	624,893,040	624,893,040
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	-
Tổng	60,579,812,062	86,658,019,455

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	132,112,962	476,154,356
Cổ tức được chia	7,119,000,000	4,119,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	95,549,222	49,262,659
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Tổng	7,346,662,184	4,644,417,015

6.4 Chi phí tài chính

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Chi phí lãi vay	1,029,884,622	1,305,656,622
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30,696,592	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Tổng	1,060,581,214	1,305,656,622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Chi phí bán hàng	2,500,000	176,446,286
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2,500,000	176,446,286
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,120,149,605	1,048,392,020
Chi phí nhân viên	484,887,649	462,665,577
Chi phí công cụ quản lý	18,945,936	20,590,370
Chi phí khấu hao TSCĐ	144,864,939	208,056,480
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	385,003,121	332,585,783
Chi phí khác bằng tiền	86,447,960	24,493,810
Tổng	1,122,649,605	1,224,838,306

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Quý IV năm nay VND	Quý IV năm trước VND
Thu nhập khác	15,536,760	179,010,715
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	15,536,760	179,000,600
Các khoản khác	-	10,115
Tổng	-	-
Chi phí khác	-	172,990,557
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	155,969,484
Chi phí khác	-	17,021,073
Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)	15,536,760	6,020,158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	215,928,683	257,059,123
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	-
Tổng cộng	<u>215,928,683</u>	<u>257,059,123</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,198,643,413	5,404,295,619
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(7,119,000,000)</u>	<u>(4,119,000,000)</u>
Cổ tức được chia	7,119,000,000	4,119,000,000
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước	1,079,643,413	1,285,295,619
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1,079,643,413	1,285,295,619
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	215,928,683	257,059,124
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này</i>	-	-
Tổng	<u>215,928,683</u>	<u>257,059,124</u>

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	7,982,714,730	5,147,236,496
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	7,982,714,730	5,147,236,496
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	50,000,000	30,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	159.65	171.57

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

		Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
		VND	VND
Tiền lương và phụ cấp			
<i>Thù lao Hội Đồng Quản Trị</i>		-	-
<i>Thù lao ban kiểm soát</i>		13,632,692	28,876,923
<i>Tiền lương và phụ cấp của Ban giám đốc</i>		70,348,077	33,650,000
Tổng cộng		83,980,769	62,526,923
		Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
		VND	VND
Họ và tên	Chức danh		
Hội đồng quản trị		-	-
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	-	-
Ban kiểm soát		13,632,692	28,876,923
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	13,632,692	28,876,923
Bà Hà Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 15/06/2024	-	-
Bà Ngô Thị Hương Giang	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 15/06/2024	-	-
Ban Tổng Giám Đốc		70,348,077	33,650,000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	50,190,385	-
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	20,157,692	33,650,000

Công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Ban Quản trị được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	Công ty con
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Công ty CP CRC Invest	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Công ty con
Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Công ty con
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con
Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Công ty con
Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Công ty con
Công ty cổ phần Năng Lượng Xanh Kosun	Công ty con
Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc	Thành viên chủ chốt
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT HĐQT

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty CP CRC Solar Cell	Công ty con từ 02/05/2024	Cung cấp dịch vụ	759,190,681	-
		Thu tiền	690,572,864	-
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con từ 01/11/2021	Thu tiền hàng	-	649,960,200
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 01/11/2021	Bán hàng	7,491,650,000	-
		Thu tiền hàng	7,214,000,000	-
		Thuê kho	21,818,182	-
Ủy thác				
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con	Nhận ủy thác	-	36,200,000,000
Phải thu, phải trả khác				
Công ty CP Công Nghệ CRC	Công ty con	Cổ tức phân phối	20,595,000,000	16,476,000,000
		Chuyển tiền cổ tức	24,449,290,000	24,289,023,000
		Phải trả khác	-	-
Công ty CP CRC Solar Cell	Công ty con từ 02/05/2024	Cổ tức phân phối	3,000,000,000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	Công ty con	1,256,340,180	-
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con	1,002,690,180	-
		253,650,000	-
Tiền gửi ủy thác			
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con	-	20,000,000,000
		-	20,000,000,000
Phải thu khác			
Công ty CP CRC Solar Cell	Công ty con từ 02/05/2024	6,182,630,709	7,036,920,709
		3,000,000,000	-
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Công ty con	3,182,630,709	7,036,920,709

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: BT3.1 KCN DT Tây Mỗ, 272 Hữu Hưng, P Tây Mỗ, Q Nam Từ Liêm, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023.

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA



Tổng Giám Đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

C
P
A